

GIỐNG LÚA CHO VỤ ĐÔNG XUÂN VÙNG ĐÔNG VÀ TÂY NAM BỘ

Dương Văn Chín¹

TÓM TẮT

Có tổng cộng 141 giống lúa được xếp vào nhóm 5 giống có thành tích cao nhất trong mỗi thí nghiệm hoặc mỗi cuộc đánh giá giống trong hai vụ Đông Xuân 2006-2007 và 2007-2008. Những giống đạt được thành tích cao trong vụ Đông Xuân thể hiện qua tần suất xuất hiện từ cao xuống thấp là: OM 4900 (19,1%), OM 6073 (13,5%), OM 6162 (11,3%). Các giống có tần suất xuất hiện cao kế tiếp là: OMCS 2000 (8,5%), OM 1490 (7,8%), OM 4661(7,1%), OM 5930 (6,4%), OM 5981 (6,4%). Giống có tần suất 5,7% có OM 3315. Tần suất 5% có: OM 2395, OM 2512-12, OM 4191, OM 5464, OM 6071. Những giống có tần suất 4,3% có: OM 2717-150, OM 4214-4. Các giống có tần suất 3,5% gồm: OM 2501, OM 2507, OM 2818, OM 3401, OM 4059, OM 4088, OM 4668, OM 4940, AS 996. Các giống có tần suất 2,8% có: OM 2499, OM 2502-131, OM 4101, OM 4276, OM 6063, OM 6072, MTL 499. Tổng số giống còn lại là 109 giống có tần suất xuất hiện thấp hơn 2,1%.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giống là một yếu tố quan trọng trong sản xuất lúa. Khi nói đến giống, chúng ta đề cập đến hai khía cạnh, đó là (i) giống lúa có mang những đặc điểm di truyền ưu việt như năng suất cao, chất lượng gạo cao, chống chịu dịch hại và điều kiện bất lợi của môi trường (ii) hạt giống lúa sử dụng trong sản xuất lúa hàng hóa cần phải có chứng chỉ là giống cấp xác nhận (certified seeds) tức là lúc bắt đầu gieo sạ, hạt giống phải đạt được các yêu cầu như: giống được sản xuất nhân lên từ giống nguyên chủng, đạt các tiêu chuẩn như: độ sạch >99%; độ thuần > 99,7%; tỷ lệ nảy mầm > 80%; độ ẩm < 13,5%; số hạt cỏ dại < 10 hạt / 1 kg hạt giống.

Trong cuộc Hội nghị sơ kết sản xuất lúa năm 2008 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2008-2009 ở các tỉnh phía Nam được tổ chức tại An Giang vào ngày 16 tháng 9 năm 2008 này, chúng tôi xin được tham gia một số ý kiến liên quan đến giống lúa nhằm góp phần chuẩn bị cho vụ Đông Xuân sắp tới.

II. PHƯƠNG PHÁP

Để góp phần đạt được mục tiêu đề ra, chúng tôi xin trình bày phương pháp mà chúng tôi áp dụng như sau:

- Thu thập những kết quả so sánh năng suất lúa ở các tỉnh trong hai vụ Đông Xuân 2006-2007 và 2007-2008 và chọn ra 5 giống có năng suất cao nhất trong mỗi thí nghiệm.
- Thu thập những thông tin về kết quả đánh giá giống lúa trong vụ Đông Xuân hai năm qua và tại mỗi điểm 5 giống có thứ hạng cao nhất (từ 1 đến 5) được chọn ra và lập danh sách.
- Năm giống đầu tiên trong các bộ so sánh và 5 giống đầu tiên trong kết quả đánh giá giống lúa được nhập chung vào một danh sách (dùng chữ in đậm và nghiêng trong báo cáo này) và tính tần suất xuất hiện.

Tần suất xuất hiện của một giống A (%) = Số lượt xuất hiện tên giống A trong danh sách, chia cho tổng số tên giống lúa trong danh sách và nhân cho 100.

¹ PGS.TS. Phó Viện trưởng Viện lúa ĐBSCL

III) KẾT QUẢ TỔNG HỢP NĂM GIỐNG ĐÀU BẰNG

1) TP Cần Thơ

1.1. Kết quả so sánh giống

1.1.1. Đông Xuân 2006-2007

1.1.2. Đông Xuân 2007-2008

- Nhóm Ao: **OM 4101 (6,03T/ha), OM 5490 (5,77T/ha), OM 4495 (đôi chứng 5,53T/ha), OM 4214-4 (5,50T/ha), OM 4940 (5,40 T/ha)**, OM 6512-4 (5,33T/ha), OM 4059(5,23T/ha), OM 6054 (5,07T/ha), OM 6839 (4,83T/ha) ^[3]
- Nhóm A 1: **OM 5756 (6,37T/ha), OMCS 2000 (đôi chứng 6,10T/ha), OM 3315 (6,00T/ha), OM 5464 (6,00T/ha), OM 4907(5,77T/ha)**, OM 5451 (5,67T/ha), OM 6072 (5,47T/ha), OM 5636 (5,43T/ha), OM 3649 (5,37T/ha) OM 5628 (5,13T/ha), OM 3401(5,10 T/ha) ^[3]
- Nhóm đặc sản: **OM 6162 (6,37T/ha), OM 4900 (6,37T/ha), OM 6071 (6,37T/ha), OM 4662(6,07T/ha), OM 4661(5,77T/ha)**, OM 2008 (đôi chứng hai 5,77T/ha), OM 4191 (5,50T/ha), OM 6063 (5,50T/ha), OM 4926 (5,50T/ha), OM 3536 (đôi chứng một 5,10T/ha) ^[3]
- Nhóm cho vùng khó khăn: (Sông Hậu) **OM 5981 (8,97T/ha), OM 6690 (8,13T/ha), AS 996 (đôi chứng 8,03T/ha), OM 6677 (7,83T/ha), OM 2501 (7,03T/ha)**, OM 2499 (6,07T/ha), OM 2818 (5,32T/ha) ^[3]

2) Tỉnh An Giang

2.1. Kết quả so sánh giống

2.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm Ao: **OM 2512-12 (7,73T/ha), OM 2507 (7,35T/ha), OM 1490 (đôi chứng 7,15T/ha), OM 2518-303-2 (6,86T/ha), OM 2502-131 (6,73T/ha)**, OM 2395-165 (6,73T/ha), OMCS 2000 (6,63T/ha), OM 2717-150 (6,55T/ha), OM 3237 (6,55T/ha), OM 3405-1 (6,24 T/ha) ^[1]
- Nhóm A 1: (Bình Đức). **OM 2395 (đôi chứng 8,44T/ha), OM 3401 (8,26T/ha), OM 5627 (8,24T/ha), OM 5799 (8,02T/ha), OM 3315 (7,98T/ha)**, OM 6035 (7,82 T/ha), OM 5935 (7,81 T/ha), OM 5626 (7,76T/ha), OM 5628 (7,71T/ha), OM 4088 (7,59T/ha), OM 5798 (7,43T/ha), OM 4668(7,15T/ha), OM 6369 (7,12T/ha), OM 5936 (7,10 T/ha), OM 5636 (6,94T/ha) ^[2]

2.1.2. Đông Xuân 2007-2008

- Nhóm Ao: **OM 5490 (8,17T/ha), OM 4101(8,15T/ha), OM 4214-4 (7,96T/ha), OM 4059 (7,93T/ha), OM 6054(7,88T/ha)**, OM 4495 (đôi chứng 7,70T/ha), OM 6512-4(7,59T/ha), OM 4940 (7,32T/ha), OM 6839 (7,27T/ha) ^[3]
- +Nhóm A 1: **OM 6072 (8,45T/ha), OM 3315 (8,21T/ha), OM 5636 (7,97T/ha), OM 4907(7,92T/ha), OM 5464 (7,84T/ha)**, OM 5628 (7,76T/ha), OM 3649 (7,70 T/ha), OM 3401(7,40T/ha), OMCS 2000(đôi chứng 7,32T/ha), OM 5756 (7,20T/ha), OM 5451(7,18 T/ha) ^[3]
- +Nhóm đặc sản: **OM 6162 (8,67T/ha), OM 4926 (8,51T/ha), OM 4900 (8,31T/ha), OM 4191(8,25T/ha), OM 6071 (8,02T/ha)**, OM 4661 (7,83T/ha), OM 4662(7,76T/ha), OM 6063 (7,61T/ha), OM 3536 (đôi chứng một 7,23T/ha), OM 2008 (đôi chứng hai 7,15T/ha) ^[3]

2.2. Kết quả đánh giá chấm điểm trên ruộng trình diễn

2.2.1. Đông Xuân 2006-2007: **HĐ1, OM 4655, OM 4498, MTL 384, OM 6073**, OM 2395, OM 4926, MTL 494, OM 5930, OM 3649 [4]

2.2.2. Đông Xuân 2007-2008

- **OM 4900, OM 6073, OM 2514, OM 4218, OM 2517, OM 6162, OM 4668, OM 4667, MTL 504, OM 4059** ^[4]
- Châu Đốc: **OM 4900, OM 5930, OM 6073, OM 6162, OMCS 2007, OMCS 2009, OM 5239, OM 5240, OM 5636, OM 6055, OM 5629, OM 5626, AG 1, HG2** ^[6]

Các huyện khác trong tỉnh An Giang cũng có tổng cộng 14 giống trình diễn và đánh giá như ở Châu Đốc, nhưng thứ tự có khác nhau tùy theo huyện. Kết quả được trình bày kế tiếp dưới đây:

- Châu Phú: **OM 6073, OM 4900, OM 6162.** ^[6]
- Tri Tôn: **OM 4900, OM 6162, OM 6073, OMCS 2007, OMCS 2009** ^[6]
- Tịnh Biên: **HG₂, OM 6162, OM 4900, AG1** ^[6]
- Thoại Sơn: **OMCS 2007, OMCS 2009, OM 6073, OM 5930** ^[6]
- An Phú: **OM 4900, OM 6073, OM 6162, OMCS2009, AG1** ^[6]
- Châu Thành: **OM 4900, OM 6073, OM 6162, AG1** ^[6]
- Chợ Mới: **OM 6073, OM 6162, OM 4900, OM 5629** ^[6]
- Long Xuyên: **OM 4900, OMCS 2007, OM 6162, OM 6073** ^[6]

3) Tỉnh Kiên Giang:

3.1. Kết quả so sánh giống

3.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm Ao: **OMCS 2000 (5,35T/ha), OM 2512-12 (5,29T/ha), OM 2395-165 (5,01T/ha), OM 2502-131 (4,94T/ha), OM 3237-5 (4,79T/ha), OM 3405-1 (4,72 T/ha), OM 2717-150 (4,53T/ha), OM 2507 (4,45T/ha), OM 1490 (đối chứng 4,41T/ha), OM 2518-303-2 (4,21 T/ha)** ^[1]
- Nhóm đặc sản: **OM 5637 (5,76T/ha), OM 4661 (5,67T/ha), OM 4191 (5,62T/ha), OM 6071 (5,60T/ha), OM 2008(5,58T/ha), OM 4900 (5,32T/ha), OM 5930 (5,30T/ha), OM 4596 (5,19T/ha), OM 5087 (5,19T/ha), IR 72830 (5,02T/ha), OM 3689 (4,94T/ha), OM 3960 (4,45 T/ha), OM 3536 (đối chứng 4,09 T/ha)** ^[2]

3.1.2. Đông Xuân 2007-2008:

- Nhóm Ao: **OM 4214-4(6,52T/ha), OM 4101(6,25T/ha), OM 4059 (6,16T/ha), OM 4940 (6,12T/ha), OM 5490 (5,85T/ha), OM 6839 (5,82T/ha), OM 4495 (đối chứng 5,50T/ha), OM 6512-4(5,33T/ha), OM 6054 (5,01T/ha)** ^[3]
- Nhóm A 1: **OM 4907 (6,39T/ha), OM 3649 (6,34T/ha), OM 6072 (6,22T/ha), OMCS 2000(đối chứng 6,04T/ha), OM 5464(6,01T/ha), OM 3315 (5,93T/ha), OM 5451 (5,82T/ha), OM 5628 (5,63T/ha), OM 5756 (5,46T/ha), OM 5636 (5,32T/ha), OM 3401 (5,28T/ha)** ^[3]
- Nhóm đặc sản: **OM 6063(6,32T/ha), OM 6162 (6,01T/ha), OM 4900 (5,93T/ha), OM 2008 (đối chứng hai 5,89T/ha), OM 4661 (5,82T/ha), OM 6071 (5,69T/ha), OM 3536 (đối chứng hai 5,46T/ha), OM 4191 (5,34T/ha), OM 4662 (5,32T/ha), OM 4926 (5,10T/ha)** ^[3]
- Nhóm cho vùng khí khắn: **AS 996(đối chứng 6,10T/ha), OM 6690 (6,10T/ha), OM 2501(6,01T/ha), OM 2499 (5,67T/ha), OM 5981(5,60T/ha), OM 2818 (5,54T/ha), OM 6677 (4,20T/ha)** ^[3]

3.2. Kết quả đánh giá chấm điểm trên ruộng trình diễn

3.2.1. Đông Xuân 2006-2007

- **OM 4059, OM 3834, OMCS 2000, OM 4938, OM 5930, OM 4498, OM 5637, MTL 384** ^[4]

3.2.2. Đông Xuân 2007-2008:

- **OM 6561, OM 6073, IR 50404, OM 4900, OM 4191, OM 6162, OM 4655, OM 6055, OM 5451, OM 5490** ^[3]

4) Tỉnh Đồng Tháp

4.1. Kết quả so sánh giống

4.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm Ao: (Tại địa bàn An Phong). **OM 2512-12 (7,08T/ha), OMCS 2000(6,99T/ha), OM 2502-131 (6,45T/ha), OM 1490 (6,32T/ha), OM 2507 (6,32 T/ha)**, OM 3405-1(6,15T/ha), OM 2518-303-2(6,10T/ha), OM 3237-5 (6,01T/ha), OM 2717-150 (5,93T/ha), OM 2395-165 (5,69T/ha) ^[1]
- (Tại địa bàn Lập Vò). **OM 2512-12 (9,14T/ha), OM 2717-150 (8,63T/ha), OM 1490 (đối chứng 8,37T/ha), OM 2507 (7,86T/ha), OMCS 2000 (7,51T/ha)**, OM 3237-5(7,46T/ha), OM 2502-131 (7,29T/ha), OM 3405-1 (7,17T/ha), OM 2518-303-2 (6,40T/ha), OM 2395-165 (6,08T/ha) ^[1]

4.1.2. Đông Xuân 2007-2008:

- Nhóm Ao: **OM 6839 (6,72T/ha), OM 6054 (6,35T/ha), OM 4101 (6,35T/ha), OM 4940 (6,32T/ha), OM 4214-4(6,23T/ha)**, OM 4059 (6,16T/ha), OM 5490 (5,82T/ha), OM 6512-4 (5,54T/ha), OM 4495 (đối chứng 5,51T/ha) ^[3]
- Nhóm A 1: **OM 5464(6,73T/ha), OM 4907 (6,63T/ha), OMCS 2000 (đối chứng 6,62T/ha), OM 3401 (6,22T/ha), OM 5756(6,21T/ha)**, OM 3315 (6,16T/ha), OM 5636 (5,89 T/ha), OM 3649 (5,84T/ha), OM 5451 (5,81T/ha), OM 6072 (5,77T/ha), OM 5628 (5,51T/ha) ^[3]
- Nhóm đặc sản: **OM 6162 (7,83T/ha), OM 4900 (7,63T/ha), OM 4661(7,40T/ha), OM 6063(6,87T/ha), OM 4191 (6,37T/ha)**, OM 4662(5,97T/ha), OM 6071 (5,93T/ha), OM 4926 (5,90T/ha), OM 2008 (đối chứng hai 5,01 T/ha), OM 3536 (đối chứng một 4,82T/ha) ^[3]

5) Tỉnh Long An:

5.1. Kết quả so sánh giống

5.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm A0: **OM 3237-5 (9,34T/ha), OM 1490 (đối chứng 9,12 T/ha), OM 2507 (8,63T/ha), OM 2717-150 (8,58T/ha), OM 2512-12 (8,39T/ha)**, OM 2502-131 (8,24 T/ha), OMCS 2000 (8,06T/ha), OM 3405-1 (7,61 T/ha), OM 2518-303-2 (7,36T/ha), OM 2395-165 (6,62 T/ha) ^[1]
- Nhóm A 1: **OM 2395 (đối chứng 5,30T/ha), OM 6369 (5,20T/ha), OM 4088 (4,30 T/ha), OM 5798 (4,00T/ha), OM 3401 (3,70T/ha)**, OM 3315 (3,50 T/ha), OM 5636 (3,40T/ha), OM 6035 (3,20T/ha), OM 5936 (3,10T/ha), OM 5626 (2,80T/ha), OM 5627 (2,60T/ha), OM 4668 (2,40T/ha), OM 5628 (2,30T/ha), OM 5935 (2,00T/ha), OM 5799 (1,60T/ha) ^[2]
- Nhóm đặc sản: **OM 3960 (4,10 T/ha), OM 6071 (3,80T/ha), OM 4661 (3,00T/ha), IR 72830 (2,80T/ha), OM 4900 (2,70T/ha)**, OM 5930 (2,70T/ha), OM 5087 (2,70T/ha), OM 2008 (2,00T/ha), OM 4596 (1,80T/ha), OM 3689 (1,40T/ha), OM 4191 (1,40 T/ha), OM 5637 (1,30T/ha), OM 3536 (đối chứng 0,70T/ha) ^[2]
- Nhóm cho vùng khó khăn: **OM 5981 (4,80T/ha), OM 4276 (4,50T/ha), OM 4274 (4,30T/ha), OM 6074 (3,50T/ha), OM 2818 (3,40T/ha)**, AS 996 (đối chứng 3,00T/ha), OM 3246 (2,70T/ha) ^[2]

5.1.2. Đông Xuân 2007-2008

5.2. Kết quả đánh giá chấm điểm trên ruộng trình diễn

5.2.1. Đông Xuân 2006-2007

- **OM 4900, OM 6071, OM 5930, MTL 499, OM 4088**, OM 6369, OM 5981, AS 996 ^[4]

5.2.2. Đông Xuân 2007-2008

6) Tỉnh Tiền Giang

6.1. Kết quả so sánh giống

6.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm Ao: **OM 2507 (6,63T/ha), OMCS 2000 (6,42T/ha), OM 2717-150 (6,20T/ha), OM 1490 (đối chứng 6,15T/ha), OM 3237 -5 (6,01T/ha), OM 2395-165 (5,77T/ha), OM 2518-303-2 (5,74T/ha), OM 2512-12 (5,16T/ha), OM 3405-1 (4,03T/ha), OM 2502-131 (5,13T/ha)** ^[1]

6.1.2. Đông Xuân 2007-2008

6.2. Kết quả đánh giá chấm điểm trên ruộng trình diễn

6.2.1. Đông Xuân 2006-2007

6.2.2. Đông Xuân 2007-2008:

- **MTL 567, OM 6073, OM 6072, OM 4668, MTL 598, OM 4059, MTL 555, OM 4101, OM 4900, OM 5981** ^[3]

7) Tỉnh Bến Tre:

7.1. Kết quả so sánh giống

7.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm Ao: **OM 2717-150 (5,85T/ha), OM 1490 (đối chứng 5,67T/ha), OM 2518-303-2 (5,61T/ha), OMCS 2000 (5,47T/ha), OM 3405-1 (5,34T/ha), OM 2395-165 (5,28T/ha), OM 3237-5 (4,81 T/ha), OM 2512-12 (4,80T/ha), OM 2517 (4,69T/ha), OM 2502-131 (4,62T/ha)** ^[1]
- Nhóm A 1: **OM 2395 (đối chứng 5,60T/ha), OM 5626 (5,52T/ha), OM 3401 (5,34T/ha), OM 5799 (5,34T/ha), OM 3315 (5,12 T/ha), OM 5627 (5,06T/ha), OM 5798 (5,00T/ha), OM 4088 (4,96T/ha), OM 5935 (4,77T/ha), OM 6035 (4,76T/ha), OM 5636 (4,75T/ha), OM 5628 (4,72T/ha), OM 4668 (4,57 T/ha), OM 6369 (4,15T/ha), OM 5936 (4,02T/ha)** ^[2]
- Nhóm đặc sản: **OM 4191(5,64T/ha), OM 3960 (5,50T/ha), OM 4900 (5,23T/ha), OM 6071 (5,19T/ha), OM 4661 (4,99T/ha), OM 5087 (4,76T/ha), IR 72830 (4,72T/ha), OM 3536 (đối chứng 4,53T/ha), OM 5637 (4,47T/ha), OM 2008 (3,95T/ha), OM 3689 (3,73T/ha)** ^[2]
- Nhóm cho vùng khó khăn: **OM 4276 (6,48T/ha), OM 4274 (5,83T/ha), OM 5981 (5,81T/ha), OM 2818 (5,40T/ha), OM 6074 (5,34 T/ha), AS 996 (đối chứng 4,54T/ha), OM 3246 (3,56 T/ha)** ^[2]

7.1.2. Đông Xuân 2007-2008

7.2. Kết quả đánh giá chấm điểm trên ruộng trình diễn

7.2.1. Đông Xuân 2006-2007

- **OM 6073, OM 4267, MTL 429, MTL 499, OM 5634, MTL 521, OM 6074, OM 4088** ^[4]

7.2.2. Đông Xuân 2007-2008

- **OM 2501, OM 2499, OM 2478, OM 5199, RD 25, OM 4900, OM 6063, OM 4101, OM 2008, OM 2474** ^[3]

8) Tỉnh Vĩnh Long:

8.1. Kết quả so sánh giống

8.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm Ao: **OM 2717-150 (6,72T/ha), OM 2512-12 (6,48T/ha), OM 2502-131 (6,46T/ha), OM 1490 (đổi chứng 6,31T/ha), OM 2395-165 (6,31T/ha), OM 2507 (6,24T/ha), OM 3405-1 (6,16T/ha), OM 3237-5 (6,14T/ha), OM 2518-303-2 (6,12 T/ha), OMCS 2000 (6,08T/ha)**^[1]
- Bộ Ao (ĐHCT): **MTL 538(6,46T/ha), MTL 536 (6,34T/ha), OM 1490 (6,26T/ha), MTL 537 (6,23T/ha), MTL 542 (6,20T/ha), MTL 543 (6,00T/ha), MTL 540 (5,68T/ha), MTL 541 (5,66T/ha), MTL 539 (5,52 T/ha)**^[5]
- Nhóm A 1: **OM 2395 (đổi chứng 6,73T/ha), OM 5935(6,72T/ha), OM 3315 (6,60T/ha), OM 5627 (6,42T/ha), OM 4088 (6,42T/ha), OM 5626(6,40T/ha), OM 5799 (6,40T/ha), OM 5636 (6,19T/ha), OM 5628 (6,18T/ha), OM 4668 (6,11T/ha), OM 3401 (6,05T/ha), OM 6035 (5,92T/ha), OM 5936 (5,71T/ha), OM 6369 (5,64T/ha), OM 5798 (5,47T/ha)**^[2]
- Bộ A1 (ĐHCT): **MTL 547 (7,44T/ha), MTL 535 (6,94 T/ha), MTL 513 (6,81T/ha), MTL 550 (6,76T/ha), MTL 545 (6,59T/ha), MTL 521(6,25T/ha), MTL 548 (6,22T/ha), MTL 501 (6,17T/ha), MTL 520 (6,16T/ha), MTL 145 (đổi chứng 6,16T/ha), MTL 549 (5,60T/ha), MTL 546 (5,38T/ha)**^[5]
- Nhóm đặc sản: **OM 4661(6,84T/ha), IR 72830 (6,77T/ha), OM 6071 (6,66T/ha), OM 5637(6,53T/ha), OM 5930 (6,48T/ha), OM 4191 (6,41T/ha), OM 5087 (6,26T/ha), OM 4900 (6,18T/ha), OM 3960 (6,08T/ha), OM 3536 (đổi chứng 5,91 T/ha), OM 3689 (5,46T/ha), OM 4596 (5,42T/ha), OM 2008 (5,01T/ha)**^[2]
- Bộ đặc sản (ĐHCT): **MTL 555(6,60T/ha), MTL 392-1 (6,57T/ha), MTL 557(6,38T/ha), MTL 558 (6,33T/ha), MTL392 (6,32T/ha), MTL 522 (6,19T/ha), MTL 559 (6,13T/ha), MTL 534 (6,10T/ha), MTL 514 (5,97T/ha), MTL 372 (5,69T/ha), MTL 556 (5,48T/ha), VNĐ95-20 (đổi chứng 5,48T/ha), Jasmine (đổi chứng 5,14T/ha)**^[5]
- Bộ sản xuất thử (ĐHCT): **MTL 523 (7,20T/ha), MTL 516 (7,14T/ha), MTL 498 (7,01T/ha), MTL 533(6,83T/ha), MTL 503 (6,82T/ha), MTL 532 (6,35T/ha), MTL 497 (6,16T/ha), MTL 145 (5,90T/ha), MTL 526 (5,81T/ha), MTL 460(5,38T/ha), MTL 463 (4,40T/ha)**^[5]
- Bộ giống kháng sâu bệnh (VLĐBSCL): **OM 5930 (6,45T/ha), OM 6073 (6,26T/ha), OM 4900 (6,23T/ha), OM 5634 (6,10T/ha), OM 5625 (6,09 T/ha) OM 2513 (5,98 T/ha), OM 5936 (5,70T/ha), OM 4498 (5,57T/ha)**^[5]

8.1.2. Đông Xuân 2007-2008

- Nhóm Ao: **OM 4214-4(6,20T/ha), OM 4059 (6,05T/ha), OM 4101 (5,98T/ha), OM 4940(5,82T/ha), OM 4495 (đổi chứng 5,77T/ha), OM 6839 (5,67T/ha), OM 5490 (5,62T/ha), OM 6512-4(5,33T/ha), OM 6054(5,33T/ha)**^[3]
- Bộ giống Ao (ĐHCT): **OM 1490 (6,08T/ha), MTL 604 (5,99T/ha), MTL 560 (5,91 T/ha), MTL 601(5,76T/ha), MTL 603 (5,75T/ha), MTL 597 (5,68T/ha), MTL 602 (5,45T/ha), MTL 599 (5,44T/ha), MTL 566 (5,38T/ha), MTL 598 (5,35T/ha), MTL 600 (4,96T/ha)**^[5]
- Nhóm A 1: **OM 5464(6,42T/ha), OM 3315(6,28T/ha), OM 5756 (5,93T/ha), OM 4907(5,72T/ha), OM 5628 (5,72T/ha), OM 5636 (5,66T/ha), OMCS 2000 (5,60T/ha), OM 6072 (5,60T/ha), OM 3649 (5,49T/ha), OM 5451 (5,06T/ha), OM 3401 (4,96 T/ha)**^[3]
- Bộ A1 (ĐHCT):**MTL 585(5,85T/ha), MTL 591(5,75T/ha), MTL 544 (5,74T/ha), MTL 572 (5,73T/ha), MTL 588 (5,69T/ha), MTL 595(5,55T/ha), MTL 569 (5,33T/ha), MTL 145 (5,19T/ha), MTL 593 (5,16T/ha), MTL 586 (5,15T/ha), MTL 594(5,00T/ha), MTL 590 (4,99T/ha), MTL 596 (4,92 T/ha) MTL 589 (4,72T/ha), MTL 592 (4,66T/ha), MTL 587 (4,49T/ha)**^[5]

- Nhóm đặc sản: **OM 6063 (5,73T/ha), OM 6162 (5,65T/ha), OM 4900 (5,59T/ha), OM 2008 (đối chứng hai 5,49T/ha), OM 4661(5,35T/ha)**, OM 4662 (5,16T/ha), OM 4926 (5,15T/ha), OM 6071 (5,09T/ha), OM 4191 (4,99T/ha), OM 3536 (đối chứng một 4,50 T/ha) ^[3]
- Bộ giống lúa thơm (ĐHCT): **MTL 579 (6,22T/ha), MTL 513 (6,05T/ha), HT3 (5,77T/ha), HT4 (5,68T/ha), HT5 (5,63T/ha)**, HT2 (5,61T/ha), MTL 555(5,55T/ha), MTL 495 (5,47T/ha), MTL 609 (5,44T/ha), MTL 250 (5,43T/ha), MTL 540 (5,42T/ha), MTL 559(5,38T/ha), Jasmine (5,37T/ha), MTL 578 (5,32T/ha), MTL 548 (5,32T/ha), MTL 610 (5,09T/ha), MTL 549 (5,03T/ha), HT 1(5,02T/ha), MTL 514 (4,95T/ha), MTL 584(4,91T/ha) ^[5]
- Bộ phẩm chất cao kháng rầy: **AN GIANG 1 (6,01T/ha), OM 5629 (5,85T/ha), OM 6055 (5,73T/ha), OM 4668 (5,67T/ha), IR 64 (đối chứng 5,64T/ha)**, HG₂(5,62T/ha), OM 4900 (5,55T/ha) OMCS 2008 (5,53T/ha), OM 5930 (5,52T/ha), OMCS 2007 (5,36T/ha), OM 5636 (5,33T/ha), OM 6073 (5,32T/ha), OM 6162 (5,32T/ha), OM 5239 (5,28T/ha), OM 5240 (5,24 T/ha) ^[5]

8.2. Kết quả đánh giá chấm điểm trên ruộng trình diễn

8.2.1. Đông Xuân 2006-2007

- **MTL 499, TN 100, OM 2514, OMCS 2000, AS 996**, OM 4088, OM 4498 ^[5]

8.2.2. Đông Xuân 2007-2008

- **MTL 547, TN 100, OM 5199, OM 4900, OM 4214**, OM 4059, OM 2008, OM 6073, OM 6162, OM 6072 ^[3]
- **OM315, OM 5451, OM 5472, CL 8, HD4**, HD6, HD7, HD8, OM 5199-1 ^[5]

9) Tỉnh Sóc Trăng:

9.1. Kết quả so sánh giống

9.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm Ao: **OM 1490 (đối chứng 5,67T/ha), OMCS 2000(5,57T/ha), OM 2512-12(5,30T/ha), OM 2395-165(5,16T/ha), OM 2717-150 (4,92T/ha)**, OM 3237-5 (4,83T/ha), OM 2507 (4,78T/ha), OM 2518-303-2 (4,32T/ha), OM 2502-131 (4,21 T/ha), OM 3405-1 (4,03T/ha) ^[1]
- Nhóm A1: **OM 4088 (3,89T/ha), OM 3315 (3,65T/ha), OM 5626 (3,60T/ha), OM 2395 (đối chứng 3,40T/ha), OM 5798 (3,35T/ha)**, OM 6369 (3,29T/ha), OM 3401 (3,02T/ha), OM 5628 (2,92T/ha), OM 5627 (2,87T/ha), OM 5636 (2,67T/ha), OM 6035 (2,63T/ha), OM 5799 (2,35 T/ha), OM 5936 (2,27T/ha), OM 5935 (1,97T/ha), OM 4668 (1,56T/ha) ^[2]
- Nhóm đặc sản: **OM 5930 (4,19T/ha), OM 3960 (4,17T/ha), OM 4900 (3,99T/ha), OM 4661(3,71T/ha), IR 72830 (3,64T/ha)**, OM 6071 (3,59T/ha), OM 4191(3,22T/ha), OM 3536 (đối chứng 3,10T/ha), OM 5087(3,00T/ha), OM 4596 (2,96T/ha), OM 5637 (2,77T/ha), OM 2008 (2,74T/ha), OM 3689 (2,15T/ha) ^[2]
- Nhóm cho vùng khó khăn: **OM 2818 (3,11T/ha), OM 6074 (2,96T/ha), OM 4276 (2,34 T/ha), OM 5981 (2,16 T/ha), AS 996 (đối chứng 2,02T/ha)**, OM 4274 (1,93T/ha), OM 3246 (1,35T/ha) ^[2]

9.1.2. Đông Xuân 2007-2008

- Nhóm Ao: **OM 4214-4(6,20T/ha), OM 4059 (6,05T/ha), OM 4101 (5,98T/ha), OM 4940 (5,82T/ha), OM 4495 (đối chứng 5,77T/ha)**, OM 6839 (5,67T/ha), OM 5490 (5,62T/ha), OM 6512-4 (5,33T/ha), OM 6054 (5,33T/ha) ^[3]
- Nhóm A1: **OM 5464 (4,49t/ha), OMCS 2000 (đối chứng 4,47T/ha), OM 6072 (4,37T/ha), OM 3315 (4,26T/ha), OM 3649 (4,17 T/ha)**, OM 5636 (4,13T/ha), OM 5451 (3,75T/ha), OM 3401 (3,51 T/ha), OM 5628 (3,49T/ha), OM 5756 (3,32T/ha), OM 4907 (2,96T/ha) ^[1]
- Nhóm đặc sản: **OM 6063 (4,63T/ha), OM 6162 (4,45 T/ha), OM 4661 (4,45T/ha), OM 4900 (4,41T/ha), OM 4191 (3,95T/ha)**, OM 4926 (3,94T/ha), OM 4662(3,65T/ha), OM 3536 (đối chứng thứ nhất 3,31 T/ha), OM 2008 (đối chứng thứ hai 3,30 T/ha), OM 6071 (3,13 T/ha) ^[1]
- Nhóm cho vùng khó khăn: **OM 2818 (5,10T/ha), OM 2501 (4,99T/ha), OM 5981(4,76T/ha), AS 996 (đối chứng 4,56 T/ha), OM 2499 (4,38 T/ha)**, OM 6677 (3,99T/ha), OM 6690 (3,35T/ha) ^[1]

9.2. Kết quả đánh giá chăm diêm trên ruộng trình diễn

9.2.1. Đông Xuân 2006-2007

- **L318, MTL 145, OM 6073, IR 59418, OM 4498**, MTL 547, MTL 530, OM 5981, MTL 465, Tép hành đột biến ^[4]

9.2.2. Đông Xuân 2007-2008

- **MTL 547, OM 6073, OM 5981, OM 6162, OM 4900**, OM 6055, OM 5627, OM 5930, OM 6677, OM 576 ^[4]

10) Tỉnh Bạc Liêu

10.1. Kết quả so sánh giống

10.2. Kết quả đánh giá chăm diêm trên ruộng trình diễn

10.2.1. Đông Xuân 2006-2007

10.2.2. Đông Xuân 2007-2008

- **OM 4668, OM 2395, OM 1490, BL4, OM 4197**, BL 37, OM 6073, OM 4218, MTL 145, OM 6561-12 ^[4]

11) Viện lúa đồng bằng sông Cửu long và Đại học Cần Thơ

11.1. Kết quả so sánh giống

11.1.1. Đông Xuân 2006-2007

- Nhóm A 1: **OM 2395 (đối chứng 6,30T/ha), OM 3315 (5,88T/ha), OM 5628 (5,70T/ha), OM 4088 (5,55T/ha), OM 3401 (5,13T/ha)**, OM 5626 (5,00T/ha), OM 6369 (5,00T/ha), OM 5799 (4,80T/ha), OM 5627(4,70T/ha), OM 4668 (4,68T/ha), OM 6035 (4,53T/ha), OM 5636 (4,30T/ha), OM 5936 (4,30 T/ha), OM 5798 (3,53T/ha), OM 5935 (3,53T/ha) ^[2]
- Nhóm đặc sản: **OM 5930 (5,10T/ha), OM 4900 (4,60T/ha), OM 4191 (4,50T/ha), OM 3689 (4,50T/ha), OM 5087 (4,20T/ha)**, OM 6071 (4,00T/ha), IR 72830 (4,00T/ha), OM 3960 (3,90T/ha), OM 5637 (3,80T/ha), OM 3536 (đối chứng 3,50T/ha), OM 2008 (3,10 T/ha), OM 4596 (2,40T/ha), OM 4661 (2,20 T/ha) ^[2]
- Nhóm cho vùng khó khăn: **OM 5981 (6,4T/ha), OM 2488 (6,3T/ha), OM 2818 (6,2T/ha), OM 4274 (5,9T/ha), OM 4276 (5,9T/ha)**, OM 6074 (5,9T/ha), AS 996 (đối chứng 5,5T/ha), OM 3246 (5,2T/ha) ^[2]

11.1.2. Đông Xuân 2007-2008

- Nhóm cho vùng khí khãn: **OM 2501 (7,12T/ha), OM 2499 (6,67T/ha), OM 6677 (6,24T/ha), OM 6690 (5,63T/ha), OM 5981 (5,44T/ha)**, OM 2818 (5,35T/ha), AS 996 (đối chứng 5,20T/ha) ^[3]

11.2. Kết quả đánh giá chấm điểm trên ruộng trình diễn

11.2.1. Đông Xuân 2006-2007

- **OM 4900, OM 6073, OM 5930, OM 4668, OM 6055**, OM 5936, OM 5636, OM 5629, OM 6162, OM 5625 ^[4]

11.2.2. Đông Xuân 2007-2008:

- (Ngày 20/3/2008) **OM 6073, OM 4900, HG₂, OM 6000, OM 4668**, OMCS 2009, OM 6162, OM 5636, OM 6600, OM 5240 ^[4]
- (Ngày 21/3/2008) **OM 6073, OM 6162, OM 5464, OM 4900, OM 5472**, HG₂, OM 5886, OM 4059, OM 5199 ^[4]
- (Đại học Cần Thơ) **MTL 499, MTL 466, MTL 555, MTL 500, MTL 589**, MTL 599, MTL 523, MTL 560, MTL 567, MTL 495 ^[4]

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ.

1) Kết luận

Trong báo cáo này chúng tôi đã tập hợp được kết quả của 56 thí nghiệm so sánh giống và 27 cuộc đánh giá giống trong hai vụ Đông Xuân 2006-2007 và 2007-2008 tại 10 tỉnh, thành, tại Viện lúa đồng bằng sông Cửu long và Đại học Cần thơ. Có tổng cộng 141 giống lúa được xếp vào nhóm 5 giống có thành tích cao nhất trong mỗi thí nghiệm hoặc mỗi cuộc đánh giá giống. Những giống đạt được thành tích cao trong vụ Đông Xuân thể hiện qua tần suất xuất hiện từ cao xuống thấp là: OM 4900 (19,1%), OM 6073 (13,5%), OM 6162 (11,3%). Các giống có tần suất xuất hiện cao kế tiếp là: OMCS 2000 (8,5%), OM 1490 (7,8%), OM 4661(7,1%), OM 5930 (6,4%), OM 5981 (6,4%). Giống có tần suất 5,7% có OM 3315. Tần suất 5% có: OM 2395, OM 2512-12, OM 4191, OM 5464, OM 6071. Những giống có tần suất 4,3% có: OM 2717-150, OM 4214-4. Các giống có tần suất 3,5% gồm: OM 2501, OM 2507, OM 2818, OM 3401, OM 4059, OM 4088, OM 4668, OM 4940, AS 996. Các giống có tần suất 2,8% có: OM 2499, OM 2502-131, OM 4101, OM 4276, OM 6063, OM 6072, MTL 499. Những giống có tần suất 2,1% gồm: OMCS 2007, OM 2008, OMCS 2009, OM 2395-165, OM 3237-5, OM 3960, OM 4274, OM 4495, OM 4907, OM 5490, OM 5756, OM 6074, OM 6690, MTL 547, IR 72830. Các giống có tần suất 1,4% gồm: OM 2514, OM 2518-303-2, OM 3649, OM 4001, OM 4498, OM 5472, OM 5199, OM 5626, OM 5627, OM 5628, OM 5629, OM 5634, OM 5637, OM 5798, OM 5799, OM 6054, OM 6055, OM 6677, MTL 513, MTL 555, HG₂, TN 100. Các giống có tần suất 0,7% tức là chỉ xuất hiện một lượt trong nhóm 5 giống đạt thành tích cao trong tổng số các thí nghiệm hoặc trình diễn đã được tập hợp trong báo cáo này. Các giống đó là: OM 315, OM 2488, OM 2478, OM 2517, OM 3689, OM 3834, OM 3405-1, OM 4197, OM 4267, OM 4214, OM 4218, OM 4655, OM 4662, OM 4926, OM 4938, OM 5087, OM 5451, OM 5625, OM 5636, OM 5935, OM 6000, OM 6369, OM 6561, OM 6839, MTL 145, MTL 392, MTL 429, MTL 384, MTL 392-1, MTL 466, MTL 498, MTL 500, MTL 503, MTL 516, MTL 523, MTL 533, MTL 535, MTL 536, MTL 537, MTL 538, MTL 542, MTL 544, MTL 545, MTL 550, MTL 557, MTL 558, MTL 560, MTL 572, MTL 579, MTL 585, MTL 588, MTL 589, MTL 591, MTL 601, MTL 603, MTL 604, MTL 567, MTL 598, HĐ1, IR 50404, HT3, HT4, HT5, IR64, CL8, HĐ4, L318, IR 59418, BL4, RD25.

2) Đề nghị.

- Ngay từ thời điểm này (tháng 9/2008), các chủ trang trại và bà con nông dân nên chuẩn bị hạt giống chất lượng cao (cấp xác nhận hoặc tương đương cấp xác nhận) với những tên giống phù hợp cho vụ Đông Xuân theo sự khuyến cáo của Cục trồng trọt (Bộ Nông nghiệp & PTNT) và Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh nơi mình tổ chức sản xuất.
- Tuy nhiên cũng nên liên hệ với các Viện, Trường để mua hạt giống của những giống có tần xuất xuất hiện cao căn cứ vào kết quả của hai vụ Đông Xuân trong hai năm vừa qua để trồng khảo sát thử nghiệm nhằm mục đích khi được công nhận cho phép sản xuất thử thì mình đã biết rõ về giống này rồi và có thể mở ra diện rộng nhanh. Các giống đó là: OM 4900, OM 6073, OM 6162, OM 4661, OM 5930, OM 5981, OM 3315, OM 2395, OM 2512-12, OM 4191, OM 5464, OM 6071. Riêng những giống đã được công nhận là giống quốc gia như OM 2395, OM 5930 và giống cho phép sản xuất thử như OM 6073 thì có thể tổ chức sản xuất trên diện rộng trong vụ Đông Xuân 2008-2009 sắp tới.

CẢM TẠ

Chúng tôi chân thành cảm ơn Trung tâm khuyến nông các tỉnh: An Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu đã gửi tư liệu cho chúng tôi về giống lúa tại các địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Văn Chín (2008). Lai tạo chọn lọc giống lúa các tỉnh phía Nam từ khi bắt đầu cuộc cách mạng xanh đến nay. Hội nghị sơ kết sản xuất vụ Đông Xuân 2007-2008, triển khai kế hoạch sản xuất Hè Thu tại các tỉnh vùng Đông nam Bộ và đồng bằng sông Cửu long. TP Hồ Chí Minh ngày 9 tháng 4 năm 2008 ^[4]
- Huỳnh Đào Nguyên (2008). Báo cáo kết quả khảo nghiệm bộ giống lúa chống chịu rầy vụ Đông Xuân 07-08. Trung tâm Khuyến nông An Giang ^[6]
- Lê Thị Dự, Nguyễn Thạch Cẩn, Thái Thị Hạnh, Nguyễn Thị Hoa, Phạm Văn Sơn và Nguyễn Thị Tâm (2008). Kết quả chương trình khảo nghiệm giống lúa ĐX 2007-2008 ở ĐBSCL ^[3]
- Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long (2008). Báo cáo kết quả thí nghiệm so sánh năng suất 7 bộ giống lúa mới và đánh giá giống vụ Đông Xuân 2006-2007 và 2007-2008 ^[5]
- Viện lúa đồng bằng sông Cửu long (2007). Báo cáo hội thảo đánh giá giống lúa và sơ kết công tác nghiên cứu về rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá vụ Đông Xuân 2006-2007. Cờ Đỏ ngày 6 tháng 3 năm 2007 ^[1]
- Viện lúa đồng bằng sông Cửu long (2008). Hội thảo đánh giá giống vụ Đông Xuân 2007-2008. Cờ Đỏ ngày 21 tháng 2 năm 2008 ^[2]

(Ghi chú: Báo cáo này đã được đăng trong tuyển tập Hội nghị sơ kết sản xuất lúa năm 2008 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2008-2009 ở các tỉnh phía Nam)